

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/5/2023.

Về việc: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ - TỈNH KIÊN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T

2. Ông Nguyễn Văn D

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Phạm Thành N** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ tham gia phiên tòa:*** Không.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2023 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2023/QĐ-HPT ngày 25/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị Ngọc A1**, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố Sur Nam, thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Nam, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Thị Ngọc A1** trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị **Thị Ngọc A1** và anh **Huỳnh Văn C** tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G ngày 17/3/2021. Quá trình chung

sống giữa chị A1 và anh C lúc đầu rất vui vẻ, hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã anh C không chăm lo cho gia đình. Đến cuối năm 2022 do mâu thuẫn nên chị A1 và anh C đã ly thân nhau cho đến nay. Quá trình ly thân chị A1 và anh C không có liên lạc để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay xét thấy không còn tình cảm với anh C nên chị A1 yêu cầu được ly hôn với anh C.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị A1 và anh C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị A1 trình bày giữa chị và anh C không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Huỳnh Văn C. Tuy nhiên, anh C không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh Huỳnh Văn C trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Thị Ngọc A1 yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Văn C. Anh C cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Huỳnh Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về hôn nhân*: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Thị Ngọc A1 và anh Huỳnh Văn C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh

Kiên G ngày 17/3/2021. Như vậy, hôn nhân giữa chị A1 và anh C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị A1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A1 Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống với nhau, chị A1 trình bày cuộc sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau và anh C không có quan tâm, chăm lo cho gia đình. Chị A1 nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không thay đổi đến đầu năm 2022 do mâu thuẫn nên chị A1 và anh C đã ly thân nhau cho đến nay. Hiện tại chị A1 và anh C không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Thị Ngọc A1 đoàn tụ nhưng chị A1 vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh C. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh C để mời hòa giải đoàn tụ với chị A1 nhưng anh C đều vắng mặt. Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị A1 và anh C đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị A1 yêu cầu với anh C là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Chị A1 xác định quá trình chung sống giữa chị và anh C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị A1 xác nhận chị và anh C không có tài sản chung, không có nợ ai và không có đương sự nào yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Thị Ngọc A1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chị Thị Ngọc A1 được ly hôn với anh Huỳnh Văn C.

2/. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: miễn xét.

3/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Thị Ngọc A1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số 0004532 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Theo đó chị A1 đã nộp xong.

4/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên G;
- VKS huyện Hòn Đ;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đ;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn A